

Mật Tạng Bộ 1 _ No.852B (Tr.135 _ Tr.143)

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN KINH
QUYỀN HẠ

BỒ ĐỀ TRÀNG MẬT ÁN TIÊU XÍ MẠN ĐỒ LA PHẨM_ CHI HAI

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Phương Bắc: **Địa Tạng Tôn**

Toà ngồi rất xảo nghiêm

Thân ở trong Thai lửa

Nhiều Báu trang nghiêm đất

Lụa, Đá trợ lẫn nhau

Bốn Báu làm hoa sen

Nơi Thánh Giả an trú

Kim Cương Bất Khả Hoại

Hành Cảnh Giới Tam Muội

Cùng với Đại Danh Xưng

Vô lượng các quyền thuộc

Nhật Quang Minh Bồ Tát

Kiên Cố Tâm Bồ Đề (?Bồ Tát)

Và **Tri Địa Bồ Tát**

Nhóm **Bảo Thủ Bồ Tát**

Bảo Quang Minh Bồ Tát

Bảo An Thủ Bồ Tát

Bất Không Kiến Bồ Tát

Trừ Nhất Thiết Ưu Minh

Bí Mật , trong kết Phộc (Nội Phộc)

Bung duỗi nơi Hỏa Luân (ngón giữa)



Hữu (bên phải) quán **Bảo Ái** (?Bảo Xứ) **Tôn**

Tuệ Quyền (quyền phải) duỗi ba luân (3 ngón tay)

Án Tam Cổ trên báu



Bảo Thủ (?Chưởng) ở trên báu

Án Nhất Cổ Kim Cương

Tuệ Quyền (quyền phải) duỗi Thủy Luân (ngón vô danh)

Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát
Tô Tất Địa Yết La
Kim Cương Châm Bồ Tát
Tô Bà Hồ Bồ Tát
Vô Cấu Thệ Bồ Tát
Phát Ý Chuyển Pháp Luân
Sinh Niệm Xứ Bồ Tát
Phần Nộ Câu Bồ Tát
Bất Không Câu Tụ Tại
Thiên Nhân Quán Tụ Tại
Mạn Đồ La Bồ Tát
Kim Cương Minh Vương Bồ Tát
Kim Cương Tướng Bồ Tát
Quân Trà Lợi Bồ Tát
Bất Không Kim Cương Bồ Tát
Cúng Dường Bảo Bồ Tát
Không Trước Minh Bồ Tát
Nhất Cát La Sát Vương (? Nhất Kế La Sát Vương)
Thập Nhất Diện Tụ Tại
Ấn Hình như Giáo Pháp

Tiếp Hư Không Vô Cấu

Hai tay tác Đạo ấn

Tam Bồ Tra, Không (ngón cái) vịn Phong (ngón trỏ)



Hư Không Tuệ: Pháp Luân



Thanh Tĩnh Tuệ: Thương Khư



Hành Tuệ: Hoa sen nở



An Trụ Tuệ Bồ Tát

Ấn Đa La hơi mở



Hư Không Tạng Bồ Tát:

“Quy mệnh (1) Y, a ca xa tam mạn đa nỗ nghiệt đa (2) vĩ chất đất-lam phộc la đạt la (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ I _ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀM VARA DHARA_ SVĀHĀ

Hư Không Vô Cấu Bồ Tát (Nga Nga Năng Ma La: Gaganāmala)

“Quy mệnh (1) Hám, nga nga năng, a nan đa ngộ giả la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HAM_ GAGANA ANANTA GOCARA_ SVĀHĀ

Hư Không Tuệ Bồ Tát (Nga Nga Năng Ma Đề: Gagana-mati)

“Quy mệnh (1) Lãng, chúc khát-la phộc lợi đề (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RIM_ CAKRA-VARTTI_ SVĀHĀ

Liên Hoa Ấn Bồ Tát:

“Quy mệnh (1) câu phộc lệ dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KUVALAYA_ SVĀHĀ

Thanh Tĩnh Tuệ Bồ Tát (Vĩ Thú Đà Ma Đề: Visuddha-mati)

“Quy mệnh (1) Già đan, đạt ma tam bà phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GATAM_ DHARMA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

Hành Tuệ Bồ Tát (Nhạ Lệ Đạt La Ma Đề: Jaritvara-mati)

“Quy mệnh (1) Để lam, bát nạp-ma a lại dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHIRAM_ PADMA ALAYA_ SVĀHĀ

An Trụ Tuệ Bồ Tát (Tát-Phê La Một Đệ: Ja-sthira-mati)

“Quy mệnh (1) Hồng, Hoại nỗ nạp bà-phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM _ JÑĀNA UDBHAVA _ SVĀHĀ

Xuất Hiện Trí Bồ Tát (lại có tên là Tô Tát Địa Bồ Tát Khả Thân Ân, lại dùng Thông Ân)

“Quy mệnh (1) Nhi, phộc nhật-la tát-thể la một đệ (2) bố la-phộc phộc đát-ma mãn đát-la sa la (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JI _ VAJRA STHIRA BUDDHE PŪRVARA ATMA MANTRA SARĀ_ SVĀHĀ

Chấp Liên Hoa Bồ Tát (có thể dùng Phổ Ân)

“Quy mệnh (1) Phộc nhật-la ca la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAJRA-KĀRA _ SVĀHĀ

Đàn Ba La Mật Minh:

“Án, bà nga phộc đề ná năng địa bả đế (1) vĩ sa-lật nhạ, bố la dã ná nan (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)OM_ BHAGAVATE DĀNA-ADHIPATI VISRJA PŪRAYA DĀNAM_ SVĀHĀ

Giới Ba La Mật Minh:

“Án, thí la đà lý nê (1) bà nga phộc đề, hồng (2) hác (3)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)OM_ ŚĪLA DHĀRIṆĪ BHAGAVATE HŪM HAḤ

Nhẫn Ba La Mật Minh”

“Án, bà nga phộc đề (1) khát-sạn đề đà lý nê (2) hồng phát tra (3)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)OM_ BHAGAVATE KṢĀNTI DHĀRIṆĪ HŪM PHAT

Tiền Ba La Mật Minh:

“Án, vĩ lý-dã ca lý hồng (1) vĩ lý-duệ, vĩ lý-duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

.)OM_ VĪRYA KĀRI HŪM_ VĪRYE VĪRYE _ SVĀHĀ

Thiền Ba La Mật Minh:

“Án, bà nga phộc đề (1) tát phộc bá bả hạ lý nê (2) ma hạ nại đề-duệ , hồng hồng hồng, phát tra (3)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ BHAGAVATE - SARVA PĀPĀHĀRINIYE - MAHĀ-DETYE - HŪM HŪM HŪM HŪM PHAT

Bát Nhã Ba La Mật Minh:

“**Án, địa (1) thất-lý (2) thâm-lỗ đa (3) vĩ nhạ duệ (4) sa-phộc hạ**”

ॐ धीः श्री सुग (वसुदेव सुग

*)OM_ DHĪH ŚRĪ ŚRŪTA VIJAYE _ SVĀHĀ

Phương Tiện Ba La Mật Minh:

“**Án, ma hạ mỗi đất-la tức đế (1) sa-phộc hạ**”

ॐ म न म (स न सु न

*)OM_ MAHĀ-MAITRA-CITTE - SVĀHĀ

Nguyện Ba La Mật Minh:

“**Án, ca lỗ nê ca lỗ nê (1) hạ hạ hạ thắm**”

ॐ न न न न न न न न

*)OM_ KĀRUṆĪ KĀRUṆĪ- HA HA HA - SAM

Lục Ba La Mật Minh:

“**Án, ná ma ninh mẫu nễ đế hồng (1) hạ hạ hạ hồng nhược (2)**”

ॐ न म (सु न न न न न न

*)OM_ DAMANI MUDITE HŪM HA HA HA HŪM JAḤ

Trí Ba La Mật Minh:

“**Án, ma ma chỉ nương nấng ca lý hồng (1) sa-phộc hạ**”

ॐ म म न न न (न न सु न

*)OM_ MAMA JÑĀNA KĀRI HŪM - SVĀHĀ

Lại nữa Bí Mật Chủ!

Nay nói Đàn thứ hai
Đảng Chính, tướng bốn phương
Án Kim Cương vây quanh
Tất cả màu vàng đẹp
Trong Tâm nở hoa sen
Đài hiện Ca La Xa
Ánh sáng như trăng trong
Cũng dùng điếm Đại Không
Giáp vòng tự trang nghiêm
Trên bày Ân Đại Phong
Phơi phới như Mây huyền
Lay động tướng phan phương
Điểm không làm tiêu biểu
Bên trên sinh lửa mạnh
Giống như lửa Kiếp Tai
Mà làm hình Tam Giác
Tam Giác dùng làm vây
Tia sáng vòng quanh khắp

Màu mặt trời sáng sớm
Giữa đây, hoa sen hồng (Padma)
Đỏ thắm giống hoả kiếp
Luu tán phát ánh lửa
Trì dùng tiếng chữ Hồng (**Hùm**)
Chữ chủng tử thắng diệu
Phật xưa nói nhữ (?Pháp) này
Cần Dũng Mạn Đồ La
Phần Nộ Kim Cương Chúng

Tiếp Đông, thứ nhất bày
Phát Sinh Kim Cương Bộ
Kim Cương Câu Bồ Tát
Thủ Trì Kim Cương Bồ Tát
Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát (Hội thứ tư)
Trì Kim Cương Phong Bồ Tát
Kim Cương Quyền Bồ Tát
Phần Nộ Nguyệt Yểm Bồ Tát
Vô Cấu Trì Kim Cương
Kim Cương Lao Trì Bồ Tát
Phần Nộ Trì Kim Cương
Vô Biên Siêu Việt Bồ Tát
Kim Cương Tỏa Bồ Tát
Trì Kim Cương Bồ Tát
Trụ Vô Hý Luận Bồ Tát
Kim Cương Trì Luân Bồ Tát
Kim Cương Nhuệ Bồ Tát
Thích Duyệt Trì Kim Cương
Kim Cương Nha Bồ Tát
Lý Hý Luận Bồ Tát
Trì Diệu Kim Cương Bồ Tát
Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát

Bộ Mẫu Mang Mãng Kê
Cũng cầm chày Kiên Tuệ (chày Tam Cổ)
Dùng Anh Lạc nghiêm thân



Bỉ hữu (bên phải vị ấy) **Kim Cương Châm**
Chúng Sứ Giả vây quanh
Mỉm cười cùng chiêm ngưỡng
Do Cổ (?Độc Cổ), Tuệ bên bên
Nội Quyền duỗi Phong Luân (ngón trở)

[Không (ngón cái) vào bên trong]



Tả (bên trái) đặt **Thương Khư La**

Chấp Trì Kim Cương Tỏa

Các **Sư Tự Bộ** câu (đến dự)

Thân ấy màu vàng nhạt

Chày Trí làm tiêu xí

Bốn Luân (4 ngón lay) cài chéo lưng

Xoay chuyên Tuệ (tay phải) thêm Định (tay trái)



Ở dưới **Chấp Kim Cương**

Phần Nộ Hàng Tam Thế

Bạc tôi phục Đại Chương

Hiệu là **Nguyệt Yểm Tôn**

Ba mắt, lộ bốn nanh

Màu mây mưa mùa hạ

Tiếng cười A Tra Tra

Báu Kim Cương, Anh Lạc

Nhiếp hộ các chúng sinh

Vô lượng chúng vây quanh

Cho đến trăm ngàn tay

Cầm nắm mọi khí giới

Nhóm Phần Nộ như vậy

Đều trụ trong hoa sen

Mở hai Không (2 ngón cái) giữ Phong (ngón trỏ) [dựa theo Ngũ Cổ Ấn , hơi chằng chạm nhau_ Các **Kim Cương Trì Địa**]



Các **Kim Cương Quyền** Nội phộc (kèm dựng hai Không (2 ngón cái) hai chỗ gần nhau cùng dựng cao lên tựa như hình Tượng Chùy)

Mang Mãng Kê Kim Cương Chân Ngôn là:

“Na mô la đất-na đất la dạ dã. Na ma thất chiến noa phộc nhật-la bá noa duệ, ma ha được khắt-xoa tế năng bát đá duệ, đoản lan đà lý, mẫn đà mẫn đà, hồng, phát tra”

ॐ नमो रत्नत्रयै नमः शिवाय वज्रधर्मय मन्त्रयुक्त मन्त्राय उ
कुलधरै वष वष हूँ ह्रूं

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ŚCANḌA VAJRA-PĀṆAYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
OM_ KULANDHARI BANDHA BANDHA HŪṀ PHAṬ

Kim Cương Quy Mệnh Chân Ngôn là:

“Kim Cương quy mệnh (1) tát phộc đạt ma nễ lật phệ đạt nễ (2) phộc nhật-la tố nhĩ, phộc la nĩ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो समंते वज्रानाम स वै द धर्मै व द धर्मै व ज्ञानै व इ ह्रूं ह्रूं

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ SARVA DHARMA NIRVEDHANI
VAJRA SUCI VARADE_ SVĀHĀ

Kim Cương Tỏa Chân Ngôn là:

“Kim quy mệnh (1) hồng, mẫn đà mẫn đa (2) mạo tra mạo tra dã (3) phộc nhật-lỗ na bà phệ (4) tát phộc đất-la bát-la để hạ để (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमो समंते वज्रानाम हूँ वष वष धर्मै मन्त्रै धर्मै व ज्ञानै व स वै द धर्मै
ह्रूं ह्रूं

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HŪṀ BANDHA BANDHAYA_
MOṬA MOṬAYA_ VAJRA UDBHAVE _ SARVATRA APRATIHATE _ SVĀHĀ

Hàng Tam Thế Kim Cương Chân Ngôn là (cũng là Tam Nguyệt Yểm Diện)

“Kim quy mệnh (1) Hột lợi, hồng, phán tra (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो समंते वज्रानाम ह्रीं ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HRĪṀ HŪṀ PHAṬ_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Trì Kim Cương Chân Ngôn là:

“Kim quy mệnh (1) Hồng hồng hồng (2) phát tra, phát tra , nhiệm nhiệm (3) sa-la (?phộc) hạ”

ॐ नमो समंते वज्रानाम ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HŪṀ HŪṀ HŪṀ PHAṬ PHAṬ_
JAM JAM SVĀHĀ

Kim Cương Quyển Chân Ngôn là:

“Kim quy mệnh (1) sa-bố tra dã, phộc nhật-la tam bà phệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो समंते वज्रानाम स्र्णयै व ज्ञानै व स वै द धर्मै

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ SPHAṬAYA VAJRA
SAMBHAVE_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Phụng Giáo Kim Cương Chân Ngôn là:

“Kim quy mệnh (1) hệ hệ khản chỉ la duệ tử (2) ngật-lật hận-ninh, ngật-lật hận-ninh (3) khur na khur na (4) bát lý bố la dã (5) tát phộc cậ ca la nan (6) tô bà đề nhiên (7) sa-phộc hạ’

ॐ नमःसमन्तावज्रानामहे हे किमचिरायसि ग्रहणा
ग्रहणा खडा खडा परिपुराया सर्वा किमकारणा
स्वप्रतिज्ञा स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM HE HE KIMCIRĀYASI GRḤṆA
GRḤṆA KHĀDA KHĀDA PARIPŪRAYA SARVA KIMKARĀṆA
SVĀPRATIJŅĀ SVĀHĀ

Tiếp đến Phương Tây, vẽ
Vô lượng Trì Kim Cương
Các loại Ấn Kim Cương
Màu sắc đều khác biệt
Toả hào quang tròn đầy
Vì tất cả chúng sinh
Giữa đẽ **Bát Nhã Tôn**
Bất Động Mạn Đồ La
Phong Luân với Hỏa câu
Y phương Niết Ly Đẽ (phương Tây Nam)
Dưới Đại Nhật Như Lai
Bất Động Như Lai Sứ
Cầm Đao Tuệ, sợi dây
Tóc rũ xuống vai trái
Nheo một mắt quán sát
Thân uy nộ rực lửa
An trụ trên bàn đá
Vần trán dợn như sóng
Thân đồng tử khỏe mạnh
Quang Diễm Hỏa Giới Ấn

Phong Phương (phương Tây Bắc) Tôn Phần Nộ
Ấy là **Thắng Tam Thế**
Lửa uy mãnh vây quanh
Mão báu, cầm Kim Cương (Ngũ Cổ)
Chẳng nghĩ đến thân mệnh
Chuyên thỉnh cầu, thọ giáo

Bên phải **Ban Nhược** (Bát Nhã) đẽ
Diễm Mạn Uy Nộ Vương
Ngồi trên con trâu xanh
Cầm mọi loại khí trượng
Đầu lâu làm Anh Lạc
Đầu mào, quần da cạp
Toàn thân hừng hực lửa
Nhìn ngó khắp bốn phương
Như Sư Tử phân tấn
Tiếp hữu (bên phải) **Hàng Tam Thế**

Hiển bày **Biên Tri Nhãn**

Tương vui vẻ mỉm cười

Khấp thể sáng (hào quang) tròn trong

Vui thấy Thân khó sánh (vô tỷ)

Tên là **Năng Tịch Mẫu**

Chân Ngôn ấy là (Nội Phộc, duỗi Hỏa (ngón giữa) co Phong (ngón trỏ) trên lưng Hỏa (ngón giữa) cách nhau khoảng một hạt lúa)

“**Quy mệnh (1) đát tha nga đa tác khất-sô vĩ-dã phộc lộ ca dã (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥ ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATĀ CAKṢU ABHYAVALOKĀYA SVĀHĀ



Tiếp tả (bên trái) **Hào Tướng Minh** (Tathāgatorṇā)

Trụ hoa Bát Đầu Ma (trụ trong hoa sen hồng)

Tròn chiếu màu Thương Khư (màu trắng óng ánh)

Cầm giữ Báu Như Ý

Đầy đủ mọi Hy đầu (?hy nguyện: ước nguyện)

Tuệ Quyền (quyền phải) để My Gian (tam tinh) [Phong (ngón trỏ) chỉ thẳng vào tam tinh]

Chân Ngôn ấy là:

“**Quy mệnh (1) phộc la nê (2) bát-la bát để hồng (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥ ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VARADE VARA PRĀPTA HŪM SVĀHĀ



Nhất Thiết Chư Phật Đỉnh

Tuệ Thủ (tay phải) chụm đầu ngón

Đề đỉnh đầu thành Ấn (mật Ấn)

Chân Ngôn ấy là:

“**Quy mệnh (1) noan noan noan (2) hồng hồng hồng (3) phán tra (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥ ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAM VAM VAM_ HŪM HŪM HŪM PHAT_ SVĀHĀ



Cúu Thế Thích Sư Tử

Tiếp Nam (phía Nam) năm Phật Đỉnh

Bạch Tản dựng Tuệ Phong (ngón trỏ phải) [màu vàng ròng]

Định Chưởng (lòng bàn tay trái) che như lọng



Thắng Đỉnh Dao Ấn trước (Kim Cương Giới: Tam Bồ Tra)



Tối Thắng Ấn: Kim Luân (bánh xe màu vàng) {hơi vàng}



Quang Tụ Như Lai Đỉnh (hơi trắng)



Xả Trừ Trí (tay phải) thành quyền (màu trắng, Nội Phộc)

Co Phong Luân (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Lại ở Bắc (phía Bắc) **Hào Tướng**

An bày ba Phật Đỉnh

Quảng Đại Phát Sinh Đỉnh
Đồng Ấn Liên Hoa trước



Cực Quảng Quảng Sinh Đỉnh
Ấn Ngũ Trí Kim Cương



Vô Biên Am Thanh Đỉnh (màu đỏ)
Túc Ấn Thương Khư trước



Bạch Tân Cải Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Lãm (2) tất đất đa bát đất-la ồ sắt-ni sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM LAM SITĀTAPATRA UṢṢĪṢA SVĀHĀ

Thắng Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Thiêm (2) nhạ dục ồ sắt-ni sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚAM JAYO UṢṢĪṢA SVĀHĀ

Tối Thắng Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Thí tử (2) vĩ nhạ dục ở sắt-ni sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚĪSĪ VIJAYA UṢṢĪṢA SVĀHĀ

Quang Tụ Phật Đỉnh Chân Ngôn là (tiếng Phạn ghi là: Đế Thù Đà Ấn)

“Quy mệnh (1) Đát-lãng (2) đê nho la thí ồ sất-nê sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्वहस्रस्रं प्रस्रं ननु । ननु ॥ अ० सु० उ० ॥ ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM__ TRĪM_ TEJORAŚI UṢNĪṢA _ SVĀHĀ

Trừ Chướng Phật Đỉnh Chân Ngôn là (Lại là Xả Trừ, hay là Trừ Nghiệp. Tiếng Phạn nói là Tỳ Cát La Na: Vikiraṇa)

“Quy mệnh (1) Ha-lâm (2) vĩ chỉ la noa bán tổ ồ sất-ni sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्वहस्रस्रं ॐ ननु । ननु ॥ अ० सु० उ० ॥ ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HRŪM_ VIKIRANA PAṂCA UṢNĪṢA_ SVĀHĀ

Quảng Sinh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Nặng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng hồng hàm hồng (?tra-lỗ hồng) (2) ồ sất-nê sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्वहस्रस्रं ॐ ननु । ननु ॥ अ० सु० उ० ॥ ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TRŪM_ UṢNĪṢA_ SVĀHĀ

Phát Sinh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Thất-lỗ-án (2) Ồ sất-nê sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्वहस्रस्रं ॐ ननु । ननु ॥ अ० सु० उ० ॥ ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ŚRŪM_ UṢNĪṢA_ SVĀHĀ

Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Hồng (2) nhạ dục ồ sất-nê sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्वहस्रस्रं ॐ ननु । ननु ॥ अ० सु० उ० ॥ ॐ ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM_ JAYA _ UṢNĪṢA _ SVĀHĀ

Tiếp bày Thanh Văn Chúng

[Phạm Giáp làm tiêu xí (ở bên trái)]

Chân Ngôn ấy là:

“Quy mệnh (1) hệ đồ bát-la đê-dã dã (2) vĩ nghiệp đa (3) yết ma niết nhạ đa (4) hồng”

ॐ नमःसम्यक्वहस्रस्रं ननु प्रत्ययस्रं । ननु । ननु । ननु । ननु । ननु ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HETU-PRATYAYA VIGATA _ KARMA NIRJATA HŪM

Lại bày Duyên Giác Chúng

Nội Phộc dụng Hỏa Luân (ngón giữa)

Tròn đầy tướng Tích Trọng

Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Phộc”

ॐ नमःसम्यक्वहस्रस्रं ननु ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAḤ_ SVĀHĀ

Trước Thích Ca Mâu Ni

Vô Năng Thắng với Phi

Minh Vương Trí (tay phải) cầm sen

Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) vịn Hỏa (ngón giữa) co

Định Chương (lòng bàn tay trái) hướng ngoài duỗi (cao tới đỉnh đầu)

Ở trên hoa sen đen



Phi Mật Thắng Đại Khẩu (Nội phộc kèm hai Không (2 ngón cái) như móc câu. Màu đen cầm cây đao)



A Bả La Nhĩ Đa Chân Ngôn là (cũng là Vô Năng Thắng Phần Nộ Minh Vương)

“Quy mệnh (1) Địa-lãng địa-lãng , trí-lợi,lãng lãng ,tứ-lãng tứ-lãng sa-phộc hạ”

𑀮𑀓𑀭𑀓𑀮𑀓 𑀅𑀓 𑀕𑀓 𑀔𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM DHRIM RIM JRIM_ SVĀHĀ

Vô Năng Thắng Phi Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A bả la nhĩ đế (2) nhạ khiên đế đát nê đế (3) sa-phộc hạ”

𑀮𑀓𑀭𑀓𑀮𑀓 𑀅𑀓 𑀕𑀓 𑀔𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓 𑀭𑀓 𑀕𑀓

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ APARĀJITE JAYAMTI TADITE_ SVĀHĀ

Bày hàng Chúng Tĩnh Cư

Tự Tại: Tay suy tư (tư duy thủ) [nghiêng đều dựa bàn tay]



Phổ Hoa Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) sai (duỗi so le)

Hỏa (ngón giữa) ở bên trước ngực



Quang Man Không (ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay)



Mãn Ý Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) hoa (tướng cầm hoa)



**Biền Âm Không (ngón cái) đê Thủy (ngón vô danh)
Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) dùng che tai (hai lỗ tai)**



Tỳ Chiên Thiên Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Án, bá la nễ đất-ma la để tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

𑖀𑖄𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ PŪRANITMA
RATIBHYAḤ_ SVĀHĀ

Phổ Hoa Thiên Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) ma nỗ la ma (2) đạt ma tam bà phộc (3) tỳ bà phộc (4) ca
thác ca thác na (5) tam tam mang sái nê (6) sa-phộc hạ”

𑖀𑖄𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MAṆO RAMA DHARMA
SAMBHAVA_ KATHĀ KATHĀNA SAṀ SAṀ MABHANE_ SVĀHĀ

Quang Man Thiên Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) nḥa đō ỏ-xá tḗ nan (2) sa-phộc hạ”

नमःसमन्तबुद्धानांजतुयस्यानस्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JATUYASYANA_ SVĀHĀ

Mãn Ý Thiên Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A An cả nịnh xỉ tệ (2) sa-phộc hạ”

नमःसमन्तबुद्धानां उम हानाटिषास्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ HANAṬIṢA_ SVĀHĀ

Biến Âm Thiên Tử Chân Ngôn là:

Quy mệnh (1) An, a ba tát-phộc lệ-tệ (2) sa-phộc hạ

नमःसमन्तबुद्धानां उभयस्वहा ५

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ ĀBHASVĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ

Hành Giả ở góc Đông

Tạo làm tượng **Hỏa Tiên**

Trụ ở trong lừa búng

Ba diêm tro biểu tượng

Sắc thân màu đỏ thẫm

Tim để An Tam Giác

Tuệ (tay phải) châu (trái châu) , Định (tay trái) Táo hình (bình chứa nước rưới vẩy)

Ngựa chường (lòng bàn tay), Định (tay trái) cầm trượng (cây gậy)

Ngồi trên con dê xanh

Phi Hậu hầu hai bên

Bà Tẩu Tiên, Tiên Phi

A Nghệ La, Cỗ Đàm

A Đê Lý Dữ Tiên

Với Tỳ Lý Cỗ Tiên

Tiếp đặt **Tự Tại Nữ**

Tỳ Nữu Dạ Ma Nữ

Hiên, Ma Yết nhị ngư (2 loài cá)

La Hầu, A Già La

Đại Chủ Ha Tất Đa

Tiếp đặt ở Ma Già

Chúng **Thất Diệu** xen kẽ

Tự ký Chát Đa La

Quả Đắc Vĩ Xá Khư

Dược Xoa, Chúng Trì Minh

Tiếp **Tăng Trưởng Thiên Vương**

Cửa Nam Rồng **Nan Đà** (Nanda Nāgarāja)

Đại Long Vương **Ô Ba** (Upananda Nāgarāja)

Và hai **Tu La Vương**

Gần cửa **Hắc Âm Thiên**
Tiếp **Diêm Ma La Vương**
Tay cầm **Ấn Đàn Noa**
Ngồi trên lưng con trâu
Màu mây huyền sấm sét
Thất Mẫu (7 vị mẫu) và **Hắc Dạ**
Tử Hậu Phi (Phi Hậu của Tử Ma Thiên) vây quanh
Chúng Quỷ Nữ **Phụng Giáo**
Quý Chúng, Noa Cát Ni (Dākiṇi)
Chúng **Thành Tựu Đại Tiên**
Ma Ni A Tu La
Với chúng **A Tu La**
Kim Xí Vương và **Nữ**
Chuẩn (dựa theo) **Ấn Cửu Đầu Long**

Cru Bàn Đồ (Kumbhaṇḍa) với **Nữ**
Hỏa Thiên: Không (ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay)



Phộc Tư Tiên Đẳng Ấn
Không (ngón cái) giữ lỏng hai Địa (lóng thứ hai của ngón út)
Thứ tự mở bung khắp (trước tiên mở ngón trở)



Diêm Ma (Yama) Định Tuệ hợp (chấp 2 tay lại)
Địa (ngón út) Phong (ngón trở) đều vào Nguyệt (lòng bàn tay) [Co Không (ngón cái) để ở Hỏa (ngón giữa)]



Bảy **Mẫu**: Tam Muội Quyền (quyền trái)
Rút Không (ngón cái) dựng Chùy An



Ám Dạ Tam Muội Quyền (quyền trái)
Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) đều kèm duỗi



Diêm Ma Phi Hậu Đạc
Tuệ Thủ (tay phải) rữ nam Luân (5 ngón tay)
Giống như tướng **Kiên Tra** (Ghaṃṭa:cái chuông)



Đồ Cát Ni (Dākiṇī) Định Chương (lòng bàn tay trái)
Nhĩ Hạ Phộc (Jihva: cái lưỡi) liếm chạm



Hỏa Thiên Chân Ngôn là:
“Quy mệnh (1) Ác nga-na duệ (2) sa-phộc hạ”
ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AGNAYE_ SVĀHĀ

Hậu Chân Ngôn là:
“Quy mệnh (1) A khởi nĩ duệ (2) sa-phộc hạ”
ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AGNIYE_ SVĀHĀ

Phộc Tư Tiên Chân Ngôn là (tên là Phộc Tầu Tiên: Vasu-Rṣī)
“Quy mệnh (1) Phộc tư sắt-tra lật-sam (2) sa-phộc hạ”
ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VASIṢṬA ṚṢI_ SVĀHĀ

A Diệt Lý Tiên Chân Ngôn là (Cũng gọi là A Đề Lý Dữ Tiên: Atreye Ṛṣi)

“Quy mệnh (1) Ac đế-la dã ma hạ lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ATREYE MAHĀ-ṚṢI_ SVĀHĀ

Kiều Đáp Ma Tiên Chân Ngôn là (Bhṛgotama Ṛṣi)

“Quy mệnh (1) Bà-lý du đát-ma ma hạ lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ BHṚGOTAMA MAHĀ-ṚṢI_ SVĀHĀ

Nghiệt Lật Già Tiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Câu đát-ma ma hạ lật-sam (2) nghiệt lật-già sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GOTAMA MAHĀ-ṚṢI_ GARGHA_ SVĀHĀ

Tăng Trưởng Thiên Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Án, vĩ lỗ đồ ca (2) dược khát-xoa địa bả đa duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM VIRŪḌHAKA YAKṢA ADHIPATĀYE_ SVĀHĀ

Diêm Ma Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Phộc phộc sa-phộc đa dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAIVASVATĀYA_ SVĀHĀ

Tử Vương Chân Ngôn là (cũng gọi là Hậu)

“Quy mệnh (1) một đề dã phệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MRṬYAVE SVĀHĀ

Diêm Ma Thất Mẫu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Mang đề-lý tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MĀTRBHYAḤ SVĀHĀ

Ám Dạ Thần Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ca la la đề-lý duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KĀLA-RĀTRĪYE SVĀHĀ

Hai **Rồng**, chưởng trái phải
Hỗ trợ đè lên nhau



Biện Tài tức **Diệu Âm**

Tuệ (tay phải) Phong (ngón trỏ) giữ nơi Không (ngón cái)
Vận động như tấu nhạc
Trời ấy: **Phí Nỗ Ấn**



Na La Diên cầm Luân (bánh xe)
Đem Định Chưởng (lòng bàn tay trái) bung tán



Hậu Khê Không (ngón cái) giữ Phong (ngón trỏ)
Tròn đầy như Luân Thế (thế bánh xe)



Tắc Kiến Phiên Đồng Tử

Ba Tù (? ba đầu) cỡi Khổng Tước (chim công)

Thương Yết La Kích Ấn

Định (tay trái) Không (ngón cái) đè ngay Địa (Ngón út)
(bung ba ngón, Không(ngón cái) vịn móng Địa (ngón út) để đối hợp trong lòng bàn tay)



Hậu Ấn Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út) [tam hợp]



Phi mật mở ba Luân (3 ngón tay)



Giá Văn Trà Định chuông (lòng bàn tay trái)
Ngựa cầm Kiếp Ba La



Nguyệt Thiên Tam Muội Ấn (Quán Âm Ấn Bán)
Cầm giữ hoa sen trắng



Tứ Mật Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) giao



Phộc Dữu Phong Thiên Tràng (cây phượng)
Trí Quyền (quyền phải) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)
Quyển thuộc đều vây quanh



Quảng Mục Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Án, vĩ lỗ bác khát-xoa (2) na già địa ba đa duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् ओम् विरुपाक्ष नगाधिपतये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ VIRŪPAKṢA NĀGA-ADHIPATAYE_ SVĀHĀ

Thủy Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A bá bát đa duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् अपामपतये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ APAM-PATAYE SVĀHĀ

Nan Đà Bạt Nan Đà Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Nan đồ bát nan ná duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् नानदानन्दये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ NANDA UPANANDAYE_ SVĀHĀ

Chư Long Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Minh già xá nễ duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् मेघाशानिये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MEGHĀŚANIYE_ SVĀHĀ

Địa Thiên Minh:

“Quy mệnh(1) bát-lý thể phệ-duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् पृथिव्याय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PṚTHIVYAI - SVĀHĀ

Diệu Âm Thiên Nữ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tô la sa-phộc đái duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् सुरास्वत्याय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SURASVATYAI - SVĀHĀ

Na La Diên Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Vĩ sắt-noa phệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् विष्णुवे स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VIṢṆUVE_ SVĀHĀ

Hậu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) vĩ sắt-noa nhĩ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् विष्णुवे स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VIṢṆUVI_ SVĀHĀ

Nguyệt Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) chiến nại-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् चन्द्राय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ CANDRĀYA_ SVĀHĀ

Cát Tường Công Đức Thiên

Tám chúng **Đại Dược Xoa**

Trì Minh Tiên, Tiên Nữ

Nhóm **Bách Dược Ái Tài**

Hiền, Câu, Bản Phương Diệu (các sao Chấp Diệu)

Và **A Thấp Tỳ Nễ**

Đa La Mãn Giả Bách

Mười hai **Thuộc Nữ Thiên**

Chúng **Bàng Giải, Sư Tử** (12 cung)

Đại Chiến Quỷ, Đại Bạch

Nhóm **Tỳ Na Dạ Ca**

Ma Ha Ca La Thiên

Đa Văn Hư Tâm hợp (hư tâm hợp chưởng)

Hai Địa (2 ngón út) vào chưởng giao (giao nhau trong lòng bàn tay)

Dựng Không (ngón cái) co cạnh Phong (ngón trỏ)

Cách nhau khoảng một thốn

Tả (bên trái) **Nhất Thiết Dược Xoa**

Định Quyên (quyên trái) Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)

Nhất Thiết Dược Xoa Nữ

Duỗi chưởng, Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út)

Phong (ngón trỏ) vịn lỏng Không Luân (ngón cái) [Cũng chấp tay tác]



Cửa Đông **Tỳ Xá Già**

Định Quyên (quyên trái) duỗi Hỏa Luân (ngón giữa)



Ấn trước co Hỏa Luân (ngón giữa)

Tức là **Tỳ Xá Chi**



Lại Đại Dược Xoa Ấn

Định Tuệ (2 tay) Nội Xoa Quyền (cài chéo các ngón bên trong rồi nắm lại thành quyền)

Dụng Thủy (ngón vô danh) co hai Phong (2 ngón trỏ)



Đa Văn Thiên Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) vị thất-la ma noa dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् वसिष्ठाय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAIŚRAVAṆĀYA_ SVĀHĀ

Chư Dược Xoa Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) dược khất-xoa thấp phộc la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् यक्षेश्वराय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ YAKṢEŚVARĀYA_ SVĀHĀ

Chư Dược Xoa Nữ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) dược xoa vĩ nễ-dã đạt lý (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् यक्षविद्याय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ YAKṢA_ VIDYA-DHARI_ SVĀHĀ

Chư Tỳ Xá Già Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tỳ xá già nghiệt đề (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् पिसाकगतिाय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PISĀCA GATI_ SVĀHĀ

Chư Tỳ Xá Chi Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tỳ chỉ, tỳ chỉ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् पिकिपिकिाय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PICI PICI_ SVĀHĀ

Đông Bắc Y Xá Na

Nhóm **Bộ Đa** quyền thuộc

Kích Ấn, Tam Muội Quyền (quyền trái)

Dụng Hỏa (ngón giữa) Phong (Ngón trỏ) co lưng

Y Xá Na Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) lỗ nại-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् रुद्राय स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RUDRĀYA_ SVĀHĀ



Xả Gia, Tỳ Xã Gia

Tay Bát Nhã Tam Muội (2 tay)

Lóng Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) chung lưng

Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tựa giữ nhau

Kèm Không (ngón cái) để ở tim



Chín **Chấp** hợp hai vũ (2 tay)

Kèm Không Luân (ngón cái) mà duỗi



Phạm Thiên cầm sen hồng (dựa theo Nguyệt Ấn)

Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) vịn Thủy (ngón vô danh)



Minh Phi Phong (ngón trỏ) đè Hỏa (ngón giữa)

Không (ngón cái) giữ lóng giữa Thủy (ngón vô danh)

Càn Thát Bà Mật Ấn

Nột Phộc duỗi Thủy Luân (ngón vô danh)



Tu La dùng tay Trí (tay phải)

Phong (ngón trỏ) ghé trên Không Luân (ngón cái) [Định Thủ (tay trái) như Diêu Âm. Chư Thiên nếu làm sự nghiệp Ấn thì búng tay làm cũng được]



Đế Thích Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) thước cật-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ŚAKRAYA - SVĀHĀ

Trì Quốc Thiên Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ấn, địa-lệ đa la sắt tra la (2) la bát-la mặt đà-na (3) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ धृता-राश्ट्रा रा

RA PRAMODANA_ SVĀHĀ

Nhật Thiên Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A nễ đát dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ĀDITYĀYA_ SVĀHĀ

Xã Gia, Tỳ Xã Gia Chân Ngôn là:

ॐ जय विजय स्वहा

OM_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

Ma Lợi Chi Chân Ngôn là:

Quy mệnh (1) ma lợi chi (2) sa-phộc hạ

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ मरिचि स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM MARĪCI SVĀHĀ

Cửu Chấp Diêu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ấn, tát phộc nĩ phộc đa nam (2) ế hế-duệ tứ (3) a nễ đê-dã tồ ma (4) bán tả nặc khát-sát đát-la (5) la hộ kế đô na-phộc nại xả vĩ ma năng (6) a sắt-tra vĩ dựng thiết đế (7) bát-lý thể bát-lý thể phệ-duệ trích chỉ hồng tộ, sa-phộc hạ

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM_ SARVA DEVATĀNĀM EHYEHI ĀDITYA, SOMA , PAÑCA NAKṢATRA , RĀHU, KETU, DVA-DAŚA VIMANA, AṢṬA-VIMŚATĪ, PṚTHIVYE, ṬAKKI HŪM JAḤ_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Chấp Diêu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tát-la hê thấp-mạt lý-dã (2) bát-la bát-đa nhụ đế la ma gia (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ GRAHEŚVARYA PRĀPTA
JYOTIR-MAYA_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Tú Đẳng Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) na khát-sái đát-la (2) nễ nang nại nễ duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ NAKṢATRA NIRJADA NĪYE_
SVĀHĀ

Phạm Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) bát-la nhạ bát đa duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ PRAJAPATAYE_ SVĀHĀ

Càn Thát Bà Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) vĩ thú đà tát-phộc la phộc hệ nễ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ VIŚUDDHĀSVARA VĀHINI
SVĀHĀ

Chư A Tu La Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) a tố la xiêm diên (2) sa-phộc hạ”

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ASURĀ GARALAYAM -

SVĀHĀ

Chư Khẩn Na La Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) hạ sa nam (2) vĩ hạ tát nam (3) chỉ na la noãn (4) sa ha”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

N*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ HAKHASANAM
VIHASANAM _ KIMNARĀNĀM _ SVĀHĀ

Chư Nhân Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) nhất xa bát lam (2) ma nỗ ma duệ mê (3) sa ha”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ICCHA PARAM MANU-MAYE
ME_ SVĀHĀ

Thỉnh Triệu Chư Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) thược xá đầu lỗ bát đa duệ, sa-phộc hạ”

Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn là (Thầy nói rằng: Thông dụng cho tất cả Án của đủ loại hàng Trời. Kim Cương Hợp Chưởng)

“Quy mệnh (1) lộ ca lộ ca yết la dã (2) tát phộc nễ phộc , năng nga, được khát-xoa, kiên đạt phộc, a tố la, nga lỗ noa, khẩn năng la, ma hộ la già nễ (3) ha-lý nại dã (4) Mật-dạ yết lý-sái dã (5) vi chát đát-la nghiệt đế (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

(Đều đọc cao tiếng, hô ngắn)

_Quy mệnh (1) A

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ Ā

Quy mệnh (1) Sa

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SĀ

Quy mệnh (1) Phộc

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VĀ

Ca khư nga già, ngưỡng tả tha nhạ

कं कं गं गं चं चं जं जं

KĀ KHĀ GĀ GHĀ_ CĀ CCHĀ JĀ JHĀ

Toản nhượng tra tra, noa đồ noa, đa tha ná đà nằng

नां नां तं तं नं नं दां दां धं धं

NĀ NĀ ṬĀ ṬHĀ_ NĀ ḌĀ ḌHĀ_ TĀ THĀ DĀ DHĀ NĀ

bả pha ma bà Mãng dā la la, phộc

पां पां बां बां भं भं यां यां रां रां लां लां

PĀ PHĀ BĀ BHĀ_ MĀ YĀ RĀ LĀ VĀ

xả sái , sa hạ

शां शां सां सां हां हां

ŚĀ ŚĀ SĀ HĀ

(Tiếp tiếng dẫn hô dài)

_Quy mệnh (1) Âm

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AM

Quy mệnh (1) Thảm

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAM

Quy mệnh (1) Noan

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAM

Kiểm khiếm nghiệm kiệm , hàm chiêm đām nhiễm

कं कं गं गं चं चं जं जं

KAM KHAM GAM GHAM_ CAM CCHAM JAM JHAM

Chiêm nhiễm lỗ siểm nam trạm nam đạm tham nam đạm nam

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

NAM NAM TAM THAM _ NAM ĐAM DHAM_ TAM THAM DAM
DHAM NAM

Phiếm phiếm sưởng phạm noan diêm lam lam noan

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

PAM PHAM BAM BHAM_ YAM RAM LAM VAM MAM

Đàm sam tham hạm

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

SAM SAM SAM HAM

(Chữ bên miệng ấy đều mang âm gốc của chuyển thứ nhất mà hô)

-Quy mệnh (1) Ác

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

Quy mệnh (1) Sách

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAḤ

Quy mệnh (1) Phộc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAḤ

Cược khước ngược cược ngược chước xước nhược

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

KAḤ KHAḤ GAḤ GHAḤ_ CAḤ CCHAḤ JAḤ JHAḤ

Tiêu nhược trách thác nạch trạch nạch dân thác nặc dịch nặc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

NAḤ ÑAḤ TAḤ THAḤ_ NAḤ DAḤ DHAḤ_ TAḤ THAḤ DAḤ DHAḤ
NAḤ

Bác bác mặc bác mặc được lặc lặc mặc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

PAḤ PHAḤ BAḤ BHAḤ_ YAḤ RAḤ LAḤ VAḤ MAḤ

thước sách tác hoắc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

SAḤ SAḤ SAḤ HAḤ

(Hô tiếng đều vào)

Y thuy ồ ô lý lý lý lô ê ái ô áo

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖢𑖤𑖇𑖉𑖋𑖍𑖏𑖑𑖓𑖕𑖗𑖙𑖛𑖝𑖟𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲𑖴𑖶𑖸𑖺𑖼𑖾𑖿

*)I Ī_ U Ū_ Ṛ Ṛ_ Ḷ Ḷ_ E AI_ O AU

tương đồng với uy thần của Địa Vị Thánh Thiên, ở ngay Đạo Chân Ngôn dùng làm vật biểu tượng. Vẽ Man Đồ La ấy như sự tương ứng của Bản Tôn. Nếu y theo Pháp Giáo, đối với các Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát trong Chân Ngôn Môn tương ứng biết như vậy: Tự Thân trụ vào Hình của Bản Tôn bền chắc chẳng động. Biết Bản Tôn trụ xong lại như Bản Tôn thì sẽ được Tất Địa.

Thế nào là tám Ấn?

Bảo Tràng ánh mặt trời

Tam giác đủ hào quang

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chương) bung Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ)



Khai Phu màu vàng trong

Ánh Kim Cương chữ **Phộc** (Ꞥ VA)

Co Phong Luân (ngón trỏ) tại Không (ngón cái)



Di Đà màu vàng ròng

Sen hồng (Ba Đầu: Padma) vây vành trắng

Hoa sen đẹp hé nở



Cổ Âm Mạn Đồ La

Bán nguyệt (nửa vành trắng) điểm Không vây

Hai Địa (2 ngón út) vào trắng đầy (lòng bàn tay)



Phổ Hiền Mạn Đồ La

Trắng đầy, Kim Cương vây

Liên Hoa (Liên Hoa Hợp Chưởng) dựng hai Không (2 ngón cái)



Quán Âm màu pha lê
Cầu vòng, phướng Kim Cương
Dựa trước co Hỏa Luân (ngón giữa)
Như móc câu chung lưng



Văn Thù màu vàng nghệ (Uất Kim)
Hư không đủ màu vân
Sen xanh mở Hỏa Luân (ngón giữa)



Từ Thi màu vàng rực (hoàng kim)
Hư Không dựng điềm sinh
Kim Cương Chưởng xoay chuyển (Tâm lòng bàn tay cùng dính nhau)



Đại Uy Đức Sinh Chân Ngôn là:
“Quy mệnh (1) lam lạc (2) sa-phộc hạ”

𑖀𑖦𑖡𑖦𑖛𑖥𑖱𑖨𑖨𑖱𑖢𑖩𑖪𑖧𑖪𑖨𑖩𑖥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RAṀ RAḤ_ SVĀHĀ

Kim Cương Bất Hoại Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Noan phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_VAM VAḤ_SVĀHĀ

Liên Hoa Tạng Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Thâm sách (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_SAM SAḤ_SVĀHĀ

Vạn Đức Trang Nghiêm Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Hàm hạc (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_HAM HAḤ_SVĀHĀ

Nhất Thiết Chi Phân Sinh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ám ác (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_AM AH_SVĀHĀ

Thế Tôn Đà La Ni là:

“Quy mệnh (1) một đà đạt la ni (2) sa một-lật để , mặt la đà năng ca lý (3) đà la, đà la, đà la đã, đà la đã, tát noan (4) bà nga phộc để (5) a ca la phộc để (6) tam ma duệ (7) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_BUDDHA-DHĀRAṆI SMṚTI BALA DHĀNA KARI_DHĀRAYA SARVAṀ BHAGAVATI ĀKĀRA VATI SAMAYE_SVĀHĀ

Văn Thù Sư Lợi Pháp Trụ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A phê na vĩ nê (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_Ā VEDA VIDE_SVĀHĀ

Tấn Tật Di Lạc Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ma ha du nga, du nghĩ ninh (2) du nghệ thấp-phộc lý (3) khiêm nhạ lợi kế (4) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_MAHĀ-YOGA YOGINI YOGĒSVARI_KHAM JARĪKE_SVĀHĀ

Vô Sở Bất Chí Chân Ngôn là (có thể dùng Kim Cương Hợp Chương)

“Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt để tỷ-dữu (1) vĩ thấp-phộc mục khê tỷ-dược (2) tát lật-phộc tha (3) a a ám ác (4)”

ॐ ह्रीं श्रीं कुं ह्रीं स्वाहा

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO - VIŚVA-MUKHEBHYAḤ - SARVATHĀ - A Ā AM AḤ

_Tức thời liền trụ ở Tam Muội **Trí Sinh** mà nói sinh ra mọi loại **Xảo Trí** (Trí khéo léo) Chân Ngôn **Bách Quang Biến Chiêu** là: (Kim Cương Chương duỗi cánh tay trên đỉnh đầu , mỗi lúc mỗi lay động . Cũng là A Xà Lê có Bí Khế, có thể truyền khẩu quyết)

“Quy mệnh (1) Âm”

𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AM

Muốn bày **Bách Quang Vương**

Chữ **Ám** (𑖳 - AM) ngay trong đó

_Tiếp chuyển vòng bày (Luân bố) mười hai chữ của nhóm chữ Y (𑖩_I) cho đến **Ổ Ao** (𑖧𑖧_ O AU) ,Vòng thứ hai là 25 chữ của nhóm chữ Ca (𑖨_ KA), vòng thứ ba là 25 chữ của nhóm chữ Ca (𑖨_ KĀ), vòng thứ tư là 25 chữ của nhóm chữ **Kiểm** (𑖨_ KAM) [ND: vòng thứ năm là 25 chữ của nhóm chữ **Khước** (𑖨_ KAḤ)]

Xoay chuyển vòng theo bên phải an bày tiếp nối nhau, 21 biến gia trì , đỉnh đầu đội **Bàn Châu** Bên trong lòng bàn tay co lỏng trên của Tiên Lục (2 ngón trở)

_ **Kim Cương Thủ** thỉnh hỏi:

“Bồ Tát hành **Chân Ngôn**

Tu hành bao nhiêu tháng

Cấm Giới được kết thúc?

Bà Già Phạm bảo rằng:

“Lành Thay! Cần Dững Sĩ!

Giới Thủ Thắng Thế Gian

Phật Xưa (Cổ Phật) đã khai diễn

Duyên Minh, nơi khởi Giới

Trụ Giới như Chính Giác

Khiến được thành Tất Địa

Vì lợi cho Thế Gian

Đặng khởi tự Chân Thật

Chẳng sinh Tâm nghi lo

Thường trụ nơi Đẳng Dẫn

Giới tu hành sẽ hết

Tâm Bồ Đề với Pháp

Với Nghiệp Quả tu Giác

Hòa hợp làm một Tướng

Xa lìa các tạo tác

Đủ Giới như Phật Trí

Khác đây, chẳng đủ Giới

Được các Pháp tự tại

Thông đạt lợi chúng sinh

Thường tu Hạnh **Vô Trước** (không dính mắc)

Nhóm đá quý, mọi báu

Cho đến đũa Lạc Xoa
Đã nói Chân Ngôn Giáo
Thảy đều theo các tháng
Kết thúc lượng Giới Cấm
Thoạt tiên quán **Kim Luân**
Trụ **Đại Nhân Đà La**
Rồi quán ở chữ A (𑖀)
Nên kết Ấn **Kim Cương**
Uống sữa để nuôi thân
Hành Giả đủ một tháng
Hay điều hơi ra vào (điều hòa hơi thở)

Tiếp, ở tháng thứ hai
Nghiêm chỉnh trong **Thủy Luân**
Luân Vi (vòng chung quanh Luân) thành chín vòng
Màu ánh trắng đêm Thu
Nên dùng Ấn **Liên Hoa**
Mà uống thuần nước Tịnh (Tĩnh thủy)

Tiếp, ở tháng thứ ba
Quán **Hỏa Luân** thắng diệu
Tam Giác, Uy Diệm Man (vòng hoa rực lửa uy mãnh)
Kết Ấn **Đại Tuệ Dao**
Ăn chẳng cầu thực phẩm
Tức dùng Đại Tuệ Dao
Thiên diệt tất cả tội
Mà sinh Thân, Ý, Ngữ

Tháng thứ tư: **Phong Luân**
Hành Giả thường nuốt Gió
Kết Ấn **Chuyển Pháp Luân**
Nhiếp Tâm dùng trì tụng

Quán **Thủy Luân Kim Cương**
Y trụ nơi Du Già
Đây là tháng thứ năm
Xa lia: được, chẳng được (Đắc, Phi Đắc)
Hành Giả không chỗ dính (vô sở trước)
Đẳng đồng **Tam Bồ Đề** (Sambodhi: Chính Giác)
Hòa hợp Luân Phong Hỏa
Vượt qua mọi lỗi lầm

Lại trì tụng một tháng
Đây là tháng thứ sáu
Cũng bỏ: Lợi, chẳng lợi
Thiên Chúng hàng Phạm Thích
Ma Hầu, Tỳ Xá Già
Đứng xa mà kính lễ

Tất cả làm Thủ Hộ
Thấy đều phụng Giáo Mệnh
Sẽ thường được như vậy
Người, Trời, thần cỏ thuốc (Dược Thảo Thân)
Trì Minh, các Linh Tiên
Theo hầu ở hai bên
Tùy thuận sở mệnh ấy
Loài Bất Thiện gây chướng
Nhóm La Sát , bảy Mẫu
Thấy người Trì Chân Ngôn
Cung kính mà lánh xa
Thấy chôn ấy tỏa sáng
Chạy tan như lửa mạnh
Tùy Giáo Pháp đã làm
Đều y theo **Minh Cầm** (Cấm Giới của bài Minh)
Đẳng Chính Giác Chân Tử
Tất cả được tự tại
Điều phục kẻ khó thắng
Như Đại Chấp Kim Cương
Lợi ích các Quân Sinh
Đồng với Quán Thế Âm
Trải qua sáu tháng xong
Tùy Ước Nguyên thành Quả
Thường ở nơi **Tự Tha**
Thương xót mà cứu giúp

Cầm tràng hạt ngang tim
Dư (còn lại điều khác) như **Tô Tất Địa**
Mỗi mỗi các Chân Ngôn
Tác Tâm Ý niệm tụng
Thở ra vào là hai
Thứ nhất thường tương ứng
Chữ **A** bày chi phần
Trì đủ ba Lạc Xoa (ba trăm ngàn biến)
Phổ Hiền với Văn Thù
Chấp Kim Cương, Thánh Thiên
Hiện trước mặt xoa đỉnh
Hành Giả cúi đầu lễ
Mau dâng nước Át Già
Ý sinh Hương, vòng hoa
Liên được thân thanh tịnh

Xong phần hạn niệm tụng
Đặt châu (tràng hạt) vào Bản xứ (chỗ cũ)
Mới vào **Tam Ma Địa** (Samādhi:Định)
Thực hạnh (khoảng một bữa ăn) từ Định ra
Lại **kết Căn Bản Ấn**
Chân Ngôn bảy biến xong

Suy tư **Tâm Bồ Đề**
Mà trụ **thân Tát Đỏa**
Nơi Thánh Lực gia trì
Hạnh Nguyên tương ứng nên
Tri Minh truyền **Bản Giáo**
Không vượt **Tam Muội Gia**
Thuận hành ở nơi học
Tất Địa sẽ hiện tiền
Ta y **Đại Nhật Giáo**
Mở bày Hạnh **Du Kỳ**
Tu chứng phước thù thắng
Lợi khắp các Hữu Tình

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA KINH QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYỂN HẠ (HẾT)

Thừa An, năm thứ ba, tháng bảy ngày mồng một. Ở chùa Khuyển Tu, Tây Sơn
trụ ? viết chép xong_ **Mật Tư Hưng Nhiên**

_Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm 2 quyển vào ngày 11/12/2014